

## **VỀ MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỢP TÁC QUỐC TẾ NĂM HỌC 2021-2022**

### **Điều 1. Mức học phí đối với các Khóa 63, 64, 65 và 66**

1. Học phí được tính theo số tín chỉ học phí (TCHP) của các học phần được sinh viên đăng ký học ở mỗi học kỳ.

2. Mức học phí/một TCHP đối với các học phần nằm trong khung chương trình đào tạo được quy định cho 2 học kỳ chính của năm học theo đơn vị nghìn đồng như sau:

Chương trình	Các học phần LLCT, GDTC, GDQP-AN*	Các học phần khác (trừ ngoại ngữ)
IT-LTU, IT-VUW, ME-GU	600	950
IT-GINP, ET-LUH, ME-LUH		865
ME-NUT		800
EM-VUW, EM-NU		1020

\* Các học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, GD Quốc phòng-An ninh.

Mức học phí đối với các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo:

Lớp trình độ	Nghìn đồng/TCHP
A1.1, A1.2 - Tiếng Anh, Đức, Pháp Tiếng Nhật 1	660
A2.1, A2.2 - Tiếng Anh, Đức, Pháp Tiếng Nhật 2	780
B1.1, B1.2 - Tiếng Anh, Đức, Pháp Tiếng Nhật 3, Tiếng Nhật 4	880
B2.1, B2.2 - Tiếng Anh, Đức, Pháp Tiếng Nhật 5	940
Các trình độ nâng cao	990

3. Mức học phí đối với các học phần/khóa học tiếng Anh (TA) tăng cường (đã bao gồm chi phí học liệu và tổ chức thi đánh giá trình độ ngoại ngữ cuối khóa học, tương đương 700 nghìn đồng):

Học phần/khóa TA tăng cường	Học phí/khóa học (đồng)
GE1- TA tổng quát (A1, A2, B1)	16.700.000
GE2- TA tổng quát (A2, B1, IELTS1)	16.700.000
AE - TA học thuật (B1, IELTS1, IELTS2)	16.700.000
Học phần tăng cường B1	8.500.000
Học phần tăng cường IELTS1	5.500.000
Học phần tăng cường IELTS2	5.500.000

4. Mức học phí các học phần học lại, học phần học cải thiện điểm, học phần ngoài khung chương trình đào tạo của chương trình đang học; học ngành thứ hai được tính bằng mức học phí quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Mức học phí học kỳ hè được tính bằng 1,5 lần mức học phí quy định tại khoản 2 của Điều này, ngoại trừ một số học phần được tính bằng mức học phí tại khoản 2 Điều này do Hiệu trưởng quyết định.

6. Mức học phí đối với sinh viên nước ngoài tự chi trả kinh phí học tập được tính bằng 1,5 lần mức học phí quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Đối với các lớp tổ chức học lại ngoài kế hoạch theo đề nghị của sinh viên với số lượng quá ít so với tổng số sinh viên của chương trình, mức học phí được nhân thêm với hệ số lớp như sau:

- a) Lớp từ 10 đến dưới 20 sinh viên: hệ số 1,5
- b) Lớp dưới 10 sinh viên: hệ số 2,0.

## **Điều 2. Mức học phí đối với Khóa 62 trở về trước**

1. Sinh viên đóng một khoản học phí cho mỗi học kỳ chính. Khoản học phí này bao gồm học phí của các học phần học lần 1 theo kế hoạch đào tạo chuẩn của năm học và nằm trong chương trình đào tạo. Mức học phí đối với một học kỳ chính của năm học, tính theo đơn vị triệu đồng như sau:

Chương trình	Mức học phí/học kỳ chính
ME-NUT	21,75
ME-LUH	21,75
ET-LUH	21,75
IT-GINP	19,90
IT-LTU	19,90
IT-VUW	19,90
EM-VUW	20,05

2. Đối với các học phần học lại; học phần học cải thiện điểm; học phần học trong học kỳ hè, học phí được tính theo tín chỉ học phí và áp dụng mức quy định tại khoản 2 Điều 1, ngoại trừ một số học phần đặc thù do Hiệu trưởng quyết định mức học phí theo văn bản riêng.

3. Đối với sinh viên đã học quá thời gian thiết kế của chương trình đào tạo và chưa hoàn thành học phí toàn khóa (10 học kỳ đối với chương trình Kỹ sư, 8 học kỳ đối với chương trình Cử nhân), mức học phí phải nộp bằng mức học phí của Khóa 62.

4. Đối với các học phần/khóa học tiếng Anh tăng cường, mức học phí được áp dụng theo khoản 3 Điều 1.

5. Đối với các lớp tổ chức học lại ngoài kế hoạch theo đề nghị của sinh viên với số lượng quá ít so với tổng số sinh viên của chương trình, mức học phí được nhân thêm với hệ số quy mô lớp do Hiệu trưởng quyết định.

## **Điều 3. Mức học phí các chương trình do Đại học Troy cấp bằng**

Mức học phí đối với chương trình TROY-BA và TROY-IT là 26 triệu đồng/một học kỳ, một năm học gồm 3 học kỳ. Sinh viên phải đóng một lần khoản phí ghi danh của trường đối tác, tạm tính quy đổi là 1,6 triệu đồng.